

Số: 54 /HD-ĐCT

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2026

HƯỚNG DẪN

Thực hiện các nội dung thuộc nội dung thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 do Hội LHPN Việt Nam được phân công chủ trì thực hiện

Căn cứ Điều lệ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình);

Nhằm cụ thể hóa các nội dung do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam được phân công chủ trì, góp phần thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030, Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ, cách thức thực hiện các nội dung thuộc các nội dung thành phần của Chương trình theo phân công tại Quyết định số 417/QĐ-BNNMT làm căn cứ để Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo, tổ chức triển khai và bố trí nguồn lực thực hiện các nội dung do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam được phân công chủ trì trong Chương trình, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, góp phần trực tiếp vào việc hoàn thành các chỉ tiêu cụ thể của

các nội dung thành phần trong Chương trình.

- Phát huy tiềm năng, sức sáng tạo của phụ nữ trong phát triển kinh tế - xã hội; vai trò nòng cốt của các cấp Hội trong tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, khởi nghiệp, tham gia quản lý hợp tác xã, nâng cao năng lực kinh tế, tạo việc làm, xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ và gia đình, xây dựng môi trường sống an toàn, xanh, sạch, đẹp và tăng trưởng GDP bình quân đạt từ 10%/năm trở lên¹

- Thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp phù hợp với điều kiện, tiềm năng của địa phương; lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình; vận động xã hội tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan tới phụ nữ và trẻ em, tạo điều kiện để phụ nữ và trẻ em, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em ở khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được phát triển toàn diện, tham gia và thụ hưởng đầy đủ các kết quả của Chương trình.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, chỉ tiêu, phạm vi, đối tượng và nội dung của Chương trình; tuân thủ các quy định, hướng dẫn của Chính phủ và các bộ, ngành liên quan, bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện.

- Tổ chức triển khai đồng bộ thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; xác định rõ nội dung, tiến độ, kết quả đầu ra và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Việc tổ chức thực hiện cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan, trong đó Hội LHPN các cấp giữ vai trò nòng cốt; đẩy mạnh chuyển đổi số và xã hội hóa nguồn lực trong triển khai thực hiện Chương trình.

- Tăng cường lồng ghép, phối hợp và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích sự chủ động, sáng tạo của địa phương trong tổ chức thực hiện, nhân rộng mô hình, cách làm hiệu quả, bền vững.

- Tăng cường công tác đánh giá, theo dõi, kiểm tra, giám sát; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

II. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, đơn vị phối hợp và thời gian thực hiện

1. Phạm vi điều chỉnh: Hướng dẫn này quy định nội dung, cách thức tổ chức thực hiện các hoạt động do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chủ trì trong khuôn khổ các nội dung thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

2. Đối tượng áp dụng:

- Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp;

¹ Kết luận số 18-KL/TW ngày 2/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan trong phối hợp triển khai thực hiện các nội dung theo hướng dẫn;

- Cán bộ, hội viên phụ nữ, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, trong đó ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo.

3. Đơn vị phối hợp:

- Các bộ, ngành, cơ quan Trung ương có liên quan.
- Ủy ban nhân dân các cấp;
- Các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan trong phối hợp chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung theo hướng dẫn;
- Các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp thực hiện.

4. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 (kể từ khi Hướng dẫn có hiệu lực) đến hết năm 2030.

III. Nguyên tắc thực hiện:

- Nội dung 1 và 2 quy định tại mục IV của Hướng dẫn này được triển khai trên phạm vi cả nước. Nội dung 3 quy định tại mục IV của Hướng dẫn này được triển khai tại các địa bàn được xác định theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026- 2030 và các Quyết định phê duyệt danh sách địa bàn của cấp có thẩm quyền.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng nội dung hỗ trợ; phát huy vai trò chủ thể của phụ nữ, hộ gia đình và cộng đồng trong tham gia thực hiện, giám sát và duy trì kết quả.

- Việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ giao cho địa phương cần phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa và nhu cầu thực tiễn của từng địa phương; bảo đảm khả năng cân đối ngân sách, nguồn lực thực hiện và không làm phát sinh chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, đề án, chính sách khác.

- Đối với các chỉ tiêu, nhiệm vụ, hoạt động, mô hình đã hoàn thành trước thời gian quy định, địa phương căn cứ nhu cầu thực tiễn, khả năng cân đối nguồn lực và quy định hiện hành để tiếp tục duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng và nhân rộng kết quả thực hiện trong giai đoạn Chương trình.

IV. Nội dung

1. Thực hiện nội dung 03, nội dung thành phần số 08 (Hợp phần thứ nhất): Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026-2035”; Đề án “Hỗ trợ HTX do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”; giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em.

1.1. Nội dung 01: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026-2035”; Đề án “Hỗ trợ HTX do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”

1.1.1. Mục tiêu

Góp phần thực hiện hiệu quả Tiêu chí 3. Phát triển kinh tế nông thôn và Tiêu chí 6. Giảm nghèo và An sinh xã hội trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030² thông qua hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, tham gia phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, tạo việc làm bền vững cho lao động nữ, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế của địa phương và đất nước, cụ thể gồm các nội dung sau:

- Nội dung tiêu chí 3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương.
- Nội dung tiêu chí 3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương.
- Nội dung tiêu chí 3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả.
- Nội dung tiêu chí 3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương.
- Nội dung tiêu chí 6.1: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều <2%.

1.1.2. Các chỉ tiêu

- Hàng năm, nâng cao kiến thức, kỹ năng kinh doanh cho 10.000 phụ nữ khởi nghiệp, nữ chủ doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, tổ hợp tác do phụ nữ quản lý; Hướng dẫn, hỗ trợ 2.500 hộ kinh doanh do phụ nữ làm chủ đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp.

- Phấn đấu đến cuối năm 2030, hỗ trợ thành lập mới ít nhất 300 hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý; củng cố, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động cho 500 hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý; tạo việc làm ổn định cho 10.000 thành viên, lao động nữ trong các mô hình kinh tế tập thể do phụ nữ tham gia quản lý.

1.1.3. Nội dung thực hiện

a. Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026 - 2035” (Đề án 2415)

- Tổ chức các hoạt động truyền thông chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tư nhân, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; Duy trì chuyên trang, chuyên mục về phụ nữ khởi nghiệp trên nền tảng truyền thông của Hội; giới thiệu mô hình, điển hình phụ nữ khởi nghiệp tiêu biểu; tổ chức các cuộc thi trực tuyến tìm hiểu chính sách liên quan đến phát triển kinh tế tư nhân, khởi nghiệp...

- Tổ chức đào tạo, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho phụ nữ có ý tưởng và mong muốn khởi nghiệp, doanh nghiệp, hộ kinh doanh do phụ nữ làm chủ, hợp

² Quyết định 51/2025/QĐ-Ttg ngày 29/12/2025 Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030

tác xã, tổ hợp tác do phụ nữ quản lý về khởi sự, quản trị kinh doanh, tài chính - kế toán, quản trị nhân lực, kỹ năng thuyết trình, gọi vốn và hỗ trợ hoàn thiện dự án tham gia cuộc thi khởi nghiệp; hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ vay vốn khởi nghiệp và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn; kỹ năng số, sử dụng thương mại điện tử, tiếp cận tài chính toàn diện ...

- Tổ chức tư vấn, trợ giúp pháp lý, phòng ngừa rủi ro trong kinh doanh cho phụ nữ khởi nghiệp, doanh nghiệp, hộ kinh doanh do phụ nữ làm chủ; hướng dẫn hoàn thiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các hộ kinh doanh, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, hợp tác xã do phụ nữ quản lý; xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ sinh thái hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp; hình thành và duy trì hiệu quả mạng lưới cố vấn, tư vấn khởi nghiệp cho phụ nữ.

- Tổ chức Cuộc thi phụ nữ khởi nghiệp theo chủ đề; trao giải thưởng Cuộc thi tại cấp Trung ương và địa phương; Hỗ trợ, hiện thực hóa, phát triển thương hiệu sản phẩm của các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh của phụ nữ.

- Hướng dẫn, hỗ trợ, tư vấn hộ kinh doanh đăng ký tham gia chuyển đổi thành doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ; hướng dẫn phát triển mô hình kinh doanh bền vững, kinh doanh áp dụng các tiêu chuẩn, nguyên tắc về môi trường, xã hội, quản trị (ESG).

- Hỗ trợ tiếp cận tín dụng ưu đãi, bảo hiểm vi mô và các chính sách liên quan cho phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh tế tư nhân gắn với tạo việc làm tại địa phương.

- Tổ chức các hoạt động tham quan, chia sẻ kinh nghiệm, kết nối thương mại, xúc tiến thị trường, tham gia hội chợ giới thiệu quảng bá sản phẩm cho các doanh nghiệp nữ, hợp tác xã, phụ nữ khởi nghiệp.

- Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phụ nữ tham gia quản lý hợp tác xã ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản trị, điều hành, sản xuất kinh doanh (đào tạo chuẩn hóa hình ảnh sản phẩm, tạo gian hàng trên sàn thương mại điện tử, livestream bán hàng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong marketing, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, thiết kế website tích hợp chatbot tự động...).

- Thí điểm xây dựng mô hình “01 phụ nữ - 01 gia đình - 01 mô hình phát triển kinh tế”³.

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Hội các cấp, các ngành trong công tác hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, giám sát, phản biện xã hội và đề xuất chính sách thúc đẩy phụ nữ khởi nghiệp, hướng tới phát triển bền vững và kinh doanh bao trùm.

- Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết giai đoạn thực hiện Đề án; triển lãm, trưng bày kết quả hoạt động Đề án; biểu dương, tôn vinh phụ nữ khởi nghiệp tiêu biểu và các tập thể, cá nhân có đóng góp tích cực trong hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp.

³ Là mô hình của 01 phụ nữ khởi nghiệp giữ vai trò chủ thể trung tâm trực tiếp quản lý, tổ chức và vận hành (tham gia với tư cách chủ hộ, chủ cơ sở hoặc chủ doanh nghiệp); có quyền quyết định về các vấn đề liên quan đến kinh tế trong gia đình; Các thành viên gia đình được phân công lao động hợp lý, chia sẻ việc chăm sóc gia đình và hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp; Mô hình được hình thành phù hợp với điều kiện thực tế của phụ nữ và gia đình, bảo đảm khả năng nhân rộng, gắn với lợi thế và bảo tồn giá trị văn hóa địa phương, hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh tế số.

b. Triển khai Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030” (Đề án 01) với các nội dung cụ thể sau:

- Tổ chức các hoạt động truyền thông chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, thúc đẩy hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, điều hành hợp tác xã, tạo nhiều việc làm cho lao động nữ; phát huy vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, việc làm và tham gia các hoạt động xã hội.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp về chủ trương, định hướng phát triển kinh tế tư nhân gắn với hợp tác xã và phát triển kinh tế tập thể.

- Tổ chức các hoạt động kết nối tiêu thụ, giới thiệu sản phẩm do phụ nữ sản xuất, ưu tiên các sản phẩm OCOP của chủ thể phụ nữ, sản phẩm phụ nữ khởi nghiệp, sản phẩm của các hợp tác xã do phụ nữ quản lý, sản phẩm của phụ nữ, phụ nữ yếu thế, phụ nữ sinh sống tại vùng đồng bào DTTS&MN.

- Hỗ trợ, tư vấn thành lập mới, củng cố và phát triển hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, hợp tác xã hoạt động tại khu vực nông thôn, miền núi, gắn với sản xuất các sản phẩm chủ lực của từng vùng, địa phương, hướng tới kinh tế số, xanh, tuần hoàn; tạo nhiều việc làm cho lao động nữ; tìm kiếm các nữ sáng lập viên hợp tác xã, phát triển thành viên và củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý.

- Xây dựng và nhân rộng các hợp tác xã do phụ nữ quản lý; ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số hoạt động hiệu quả; ưu tiên hỗ trợ, phát triển sản phẩm OCOP của chủ thể⁴ là phụ nữ; xây dựng các mô hình phát triển vùng nguyên liệu gắn với sản phẩm OCOP, các mô hình dịch vụ du lịch trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn gắn với vùng nguyên liệu, đặc trưng theo vùng, miền, dân tộc và các sản phẩm OCOP; hỗ trợ và nhân rộng các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác do phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia quản lý góp phần bảo tồn, phát huy ngành nghề truyền thống, chế biến nông sản, đặc sản địa phương gắn với du lịch văn hóa cộng đồng.

- Xây dựng 34 cụm dự án sinh kế - hợp tác xã⁵ do phụ nữ quản lý tại 100% tỉnh, thành phố; Thành lập Câu lạc bộ nữ lãnh đạo hợp tác xã tại địa phương nhằm chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ trong sản xuất kinh doanh.

Việc triển khai Đề án 2415 và Đề án 01 của Chính phủ cần quan tâm ưu tiên hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo, cận nghèo, phụ nữ vùng đồng bào dân tộc thiểu số

⁴Phối hợp góp phần thực hiện nội dung 02,04,5 và 6 thuộc nội dung thành phần số 03 về phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường do Bộ nông nghiệp và Môi trường chủ trì (Quyết định số 417/QĐ-BTNMT ngày 31/1/2026 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 -2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030).

⁵Cụm dự án sinh kế - hợp tác xã do phụ nữ quản lý: là mô hình kinh tế tập thể được tổ chức theo cụm, trong đó các dự án sinh kế của người dân được triển khai đồng bộ và liên kết với nhau thông qua một hoặc nhiều tổ hợp tác, hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý nhằm hình thành chuỗi giá trị sản xuất - chế biến - kinh doanh - tiêu thụ bền vững, nâng cao thu nhập và năng lực cộng đồng

và miền núi, phụ nữ yếu thế; đồng thời gắn với mục tiêu giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và thúc đẩy chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh.

1.2. Nội dung 02: Giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em

1.2.1. Mục tiêu

- Nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an toàn, sức khỏe và cơ hội phát triển toàn diện cho phụ nữ và trẻ em, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo; thúc đẩy tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội thiết yếu; tăng cường phòng ngừa, phát hiện sớm và hỗ trợ kịp thời, phù hợp góp phần giảm thiểu nguy cơ bạo lực, xâm hại và các yếu tố mất an toàn trong gia đình, cộng đồng và trên môi trường mạng, hướng tới xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, bền vững cho phụ nữ, trẻ em, gia đình và cộng đồng.

- Chủ động, phối hợp kịp thời hiệu quả trong phát hiện và xử lý các vấn đề liên quan đến phụ nữ và trẻ em; tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành và vận động toàn xã hội tham gia giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em.

- Góp phần thực hiện tiêu chí 6. Giảm nghèo và An sinh xã hội:

+ Nội dung tiêu chí 6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

+ Nội dung tiêu chí 6.6. Các hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có);

+ Nội dung tiêu chí 6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm.

1.2.2 Chi tiêu

- Đến năm 2030:

+ Trên 80% phụ nữ và trẻ em từ 6 đến dưới 16 tuổi được trang bị kiến thức, kỹ năng về chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần, sức khỏe sinh sản và kỹ năng bảo đảm an toàn trên môi trường mạng phù hợp với lứa tuổi.

+ 100% cán bộ Hội LHPN các cấp và trên 80% cán bộ công tác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, văn hoá, y tế thuộc phòng văn hoá - xã hội được tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về tham gia giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em; phòng chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới, đảm bảo an toàn thực phẩm, đảm bảo an toàn trên không gian mạng.

+ Phấn đấu xây dựng mỗi tỉnh, thành ít nhất 02 mô hình “Nhà an toàn cho phụ nữ và trẻ em” kết nối đường dây nóng 24/7; mỗi xã, phường 01 mô hình dịch vụ chăm sóc cộng đồng về hỗ trợ phụ nữ mang thai có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi; hoạt động/mô hình “Bữa ăn dinh dưỡng học đường” cho các vùng còn nhiều khó khăn, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ bữa ăn bán trú từ ngân sách nhà nước theo quy định.

- Chỉ tiêu hàng năm:

+ Phần đầu 90% trở lên phụ nữ, trẻ em bị bạo lực, nạn nhân mua bán người trở về được phát hiện được hỗ trợ tiếp cận ít nhất 01 dịch vụ xã hội⁶ cơ bản hoặc tiếp cận ít nhất 01 dịch vụ trợ giúp xã hội⁷.

+ Trên 95% Hội LHPN cấp xã tổ chức được ít nhất 03 hoạt động tuyên truyền hoặc tập huấn cho phụ nữ, cộng đồng về: giáo dục làm cha mẹ vì sự phát triển toàn diện của trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và bảo vệ trẻ em; phòng ngừa, ứng phó với các nguy cơ mất an toàn trong gia đình, cộng đồng và trên môi trường mạng.

+ 100% xã, phường, đặc khu tổ chức ít nhất 01 hoạt động truyền thông về bình đẳng giới, trọng tâm là tổ chức vào dịp Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

+ 100% xã, phường, đặc khu tổ chức “Tháng lắng nghe phụ nữ và trẻ em nói” gắn với “Tháng nghe dân nói”.

1.3.3. Nội dung thực hiện

a. Truyền thông, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền cho phụ nữ, trẻ em, cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của gia đình và cộng đồng trong phòng, chống bạo lực gia đình, phòng chống xâm hại, phòng ngừa các nguy cơ mất an toàn đối với phụ nữ và trẻ em; tổ chức các hoạt động nâng cao kỹ năng sống, kỹ năng làm cha mẹ, các kiến thức về bình đẳng giới, xây dựng gia đình an toàn, văn minh, hạnh phúc cho phụ nữ, trẻ em, hộ gia đình.

- Xây dựng, biên soạn, in ấn, nhân bản tài liệu, cẩm nang, các sản phẩm truyền thông; tăng cường ứng dụng công nghệ số, phát huy hiệu quả các nền tảng mạng xã hội và phương tiện thông tin đại chúng.

- Tổ chức các hoạt động, chiến dịch truyền thông nhân dịp Ngày Gia đình Việt Nam (28/6), hưởng ứng Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; Tháng hành động vì trẻ em theo chủ đề hằng năm.

b. Phát hiện sớm, hỗ trợ, can thiệp và kết nối dịch vụ

- Thiết lập, duy trì và vận hành hiệu quả các kênh tiếp nhận thông tin từ Trung ương đến cơ sở (Ngôi nhà bình yên, địa chỉ tin cậy, đường dây nóng, điểm chạm đầu tiên⁸, ...); chủ động phát hiện sớm, tiếp nhận, xử lý thông tin nhanh và phối hợp với các cơ quan liên quan trong can thiệp, hỗ trợ, chuyển tuyến các trường hợp bị bạo lực, bị xâm hại, mua bán.

- Tổ chức tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ phụ nữ, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tiếp cận các dịch vụ xã hội và chính sách hỗ trợ, quan tâm phụ nữ, trẻ em nghèo, khuyết tật, di cư, bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, phụ nữ, trẻ em vùng đồng bào DTTS& MN.

⁶Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ

⁷Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ

⁸ “**Điểm chạm đầu tiên**” là đầu mối tiếp nhận thông tin ban đầu từ nhiều nguồn (cán bộ Hội, hội viên, phụ nữ, gia đình, cộng đồng và các cơ quan, tổ chức liên quan...) thông qua các hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp như gặp mặt, điện thoại, mạng xã hội, đường dây nóng hoặc các kênh phù hợp tại địa phương.

- Tổ chức tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý đối với các vụ việc liên quan đến bạo lực, xâm hại, mất an toàn cho phụ nữ, trẻ em; hỗ trợ kết nối dịch vụ và đồng hành trong quá trình giải quyết vụ việc, chú trọng kết nối với các dịch vụ bảo vệ phụ nữ, trẻ em, bảo trợ xã hội, trợ giúp pháp lý, tâm lý, y tế nhằm bảo đảm hỗ trợ toàn diện, liên tục và kịp thời.

- Tổ chức các hoạt động an sinh xã hội hỗ trợ phụ nữ và trẻ em nghèo, dễ bị tổn thương, phụ nữ, trẻ em vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh và các địa bàn đặc biệt khó khăn.

c. Xây dựng, duy trì và nhân rộng mô hình

- Xây dựng, duy trì và nhân rộng mô hình “Địa chỉ tin cậy” tại cộng đồng; khuyến khích xây dựng các mô hình ở cộng đồng để giải quyết các vấn đề phát sinh phù hợp với thực tế.

- Tổ chức thí điểm, đánh giá và từng bước nhân rộng mô hình “Nhà an toàn cho phụ nữ và trẻ em” theo Hướng dẫn số 52/HD-ĐCT ngày 28/4/2026 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam (có hướng dẫn kèm theo).

d. Nâng cao năng lực cho cán bộ Hội LHPN các cấp và mạng lưới cộng tác viên, tuyên truyền viên:

- Xây dựng, củng cố mạng lưới cộng tác viên, tuyên truyền viên trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình và giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em.

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ Hội LHPN các cấp, cán bộ công tác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, văn hoá, y tế thuộc phòng văn hoá - xã hội, báo cáo viên, tuyên truyền viên và lực lượng nòng cốt tại cộng đồng⁹ về kiến thức, chính sách, pháp luật liên quan, kỹ năng truyền thông, tư vấn, hỗ trợ, kết nối dịch vụ, tiếp nhận và xử lý thông tin, hỗ trợ ban đầu cho nạn nhân.

- Xây dựng, phổ biến tài liệu hướng dẫn, sổ tay pháp luật, bộ công cụ tình huống nhằm nâng cao năng lực nhận diện, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực, xâm hại, mất an toàn cho phụ nữ và trẻ em, phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số.

- Tiếp tục triển khai Chương trình “Mẹ đỡ đầu” theo Hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn và không bỏ sót đối tượng.

e. Theo dõi, giám sát, đánh giá và xây dựng chính sách

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; theo dõi, thống kê số liệu; xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, giám sát và hoạch định chính sách.

- Tổ chức nắm bắt tình hình tại địa bàn; khảo sát, nghiên cứu thực tiễn làm cơ sở đề xuất, kiến nghị và điều chỉnh chính sách trong các lĩnh vực liên quan.

⁹Cán bộ đoàn thể chính trị - xã hội phụ trách công tác phụ nữ, trẻ em; trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, người có uy tín trong cộng đồng; nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên công tác xã hội; giáo viên, tổng phụ trách Đội; công an cơ sở và các cá nhân tham gia công tác bảo vệ, chăm sóc phụ nữ, trẻ em tại cộng đồng.

- Tham gia góp ý, phản biện xã hội đối với các dự thảo luật, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới; bảo đảm lồng ghép giới và quyền của phụ nữ, trẻ em trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2. Thực hiện nội dung 04, nội dung thành phần số 08 (Hợp phần thứ nhất): Thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”¹⁰; vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam.

2.1. Mục tiêu

- Phát huy vai trò chủ thể của phụ nữ trong xây dựng gia đình tiên bộ, văn minh, ấm no, hạnh phúc; vun đắp, gìn giữ và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam gắn với hệ giá trị quốc gia và hệ giá trị con người Việt Nam trong bối cảnh mới, góp phần xây dựng “Mỗi gia đình - một địa chỉ hạnh phúc”, bảo vệ môi trường sống, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân, thực hiện các tiêu chí về phát triển kinh tế nông thôn, giảm nghèo, an sinh xã hội và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

- Góp phần thực hiện tiêu chí 6. Giảm nghèo và An sinh xã hội, trong đó trọng tâm là tiêu chí 6.4 - Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”.

2.2. Nội dung 01: Thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”: Nội hàm gia đình “5 không, 3 sạch, 3 an” được cụ thể theo Phụ lục số 01.

2.2.1. Chỉ tiêu

- Chỉ tiêu hàng năm:

+ Mỗi Hội LHPN xã, phường, đặc khu vận động, hỗ trợ ít nhất 15 hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình “5 không, 3 sạch, 3 an”, phấn đấu cả nước giúp được thêm 50.000 hộ gia đình đạt 11 tiêu chuẩn.

+ Mỗi Hội LHPN xã thực hiện ít nhất 01 công trình/phần việc tham gia xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh.

- Đến năm 2030:

+ 95% trở lên hộ gia đình được tuyên truyền, vận động thực hiện các tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”.

+ 100% cán bộ Hội LHPN các cấp và tối thiểu 80% cán bộ phụ trách các lĩnh vực liên quan thuộc các ngành y tế, công an, văn hóa, giáo dục cấp cơ sở tham gia phối hợp được bồi dưỡng về nội dung, phương pháp tổ chức thực hiện Cuộc vận động gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

2.2.2. Nội dung thực hiện

a. Truyền thông, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi

¹⁰Tiêu chí “5 không”: Không nghèo, Không bạo lực, Không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, Không có trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học, Không lãng phí. Tiêu chí “3 sạch”: Sạch nhà, Sạch bếp, Sạch ngõ. Tiêu chí 3 an: An toàn An tâm, An sinh.

- Xây dựng, sản xuất tài liệu, sản phẩm truyền thông về Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”.

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động phụ nữ và các hộ gia đình tích cực tham gia Cuộc vận động, chủ động giải quyết những vấn đề thiết thực của gia đình nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, trong đó tập trung vào các nội dung: *phân loại rác thải tại nguồn, giảm thiểu rác thải nhựa, hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, thực hành xử lý rác hữu cơ tại hộ gia đình, xây dựng thói quen tiêu dùng xanh sạch hàng ngày, lựa chọn các sản phẩm thân thiện với môi trường, an toàn cho sức khỏe; thực hiện sản xuất, chế biến đảm bảo an toàn; tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, gìn giữ các giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình và thực hành thường xuyên hệ giá trị gia đình trong cuộc sống hàng ngày...*

- Tổ chức tuyên truyền, vận động, hỗ trợ hộ gia đình thực hiện các tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”; phối hợp rà soát, phân loại hộ đạt, chưa đạt hoặc đạt chưa bền vững để có giải pháp hỗ trợ phù hợp.

b. Nâng cao năng lực cho cán bộ Hội LHPN các cấp, cán bộ các ngành và lực lượng nông cốt tại cơ sở¹¹.

- Tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ Hội LHPN các cấp, cán bộ các ngành có liên quan: cán bộ văn hóa, cán bộ y tế, công an..., lực lượng hội viên phụ nữ nông cốt về nội dung, cách thức tổ chức thực hiện Cuộc vận động, kỹ năng tuyên truyền, vận động, phối hợp liên ngành và tham mưu triển khai các hoạt động xây dựng gia đình “5 không 3 sạch 3 an” góp phần xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

c. Triển khai các hoạt động nhằm hỗ trợ các gia đình đạt các tiêu chuẩn của cuộc vận động, góp phần xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh

- Hàng năm, rà soát, phân loại hộ gia đình theo mức độ đạt các tiêu chuẩn để có giải pháp tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phù hợp; ưu tiên hộ chưa đạt hoặc đạt chưa bền vững.

- Hỗ trợ phụ nữ, nhất là phụ nữ yếu thế, phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn được đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, phát triển sinh kế, tiếp cận tín dụng, khởi sự kinh doanh, ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế hộ gia đình.

- Hướng dẫn, hỗ trợ hộ gia đình cải thiện điều kiện vệ sinh, môi trường sống, xây dựng, nâng cấp công trình nước sạch, nhà tiêu hợp vệ sinh, phân loại, xử lý rác thải tại nguồn, xây dựng cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp.

- Tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ hộ gia đình chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần, nâng cao dinh dưỡng, bảo đảm an toàn thực phẩm, xây dựng nếp sống gia đình lành mạnh, văn minh.

¹¹Lực lượng nông cốt do Hội LHPN cấp tỉnh/TP/xã, phường, đặc khu lựa chọn phù hợp điều kiện thực tế địa phương, ưu tiên chi hội trưởng PN, thành viên Ban chủ nhiệm mô hình, tuyên truyền viên, cộng tác viên và phụ nữ có uy tín tại cộng đồng

- Kết nối, hỗ trợ hộ gia đình tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; lồng ghép, huy động nguồn lực từ các chương trình, đề án, dự án liên quan để hỗ trợ hộ gia đình đạt và duy trì bền vững các tiêu chuẩn.

d. Xây dựng, duy trì và nhân rộng mô hình

- Triển khai thí điểm, đánh giá, nhân rộng mô hình gia đình “5 không, 3 sạch, 3 an”; duy trì, nhân rộng các mô hình, câu lạc bộ “Gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”, CLB “Phụ nữ sống xanh”, CLB “Nhà sạch - ngõ đẹp”, “Tuyến đường phụ nữ kiểu mẫu”, “tổ phụ nữ thu gom, phân loại rác”... , “tuyến phố kinh doanh thực phẩm an toàn”, Mô hình “ruộng, vườn xanh, sạch”.

- Tổ chức tham quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm.

đ. Theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Cuộc vận động

- Xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Cuộc vận động.

- Biên soạn tài liệu, sổ tay, công cụ hướng dẫn; xây dựng bộ chỉ số đánh giá; tổ chức thu thập thông tin, theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

e. Sơ kết, tổng kết, nghiên cứu và hoàn thiện chính sách

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết; biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân hộ gia đình, phụ nữ tiêu biểu trong thực hiện Cuộc vận động.

- Nghiên cứu, tổng kết thực tiễn làm cơ sở tham gia góp ý, phản biện xã hội và đề xuất, kiến nghị các chính sách liên quan tới thực hiện Cuộc vận động.

2.3. Nội dung 02: Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam.

2.3.1. Chỉ tiêu

- Chỉ tiêu hàng năm:

+ Mỗi Hội LHPN xã, phường, đặc khu tổ chức ít nhất 01 hoạt động truyền thông/sinh hoạt chuyên đề về giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp của gia đình Việt Nam.

+ Phần đầu 95% trở lên hộ gia đình được tuyên truyền, cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng về giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, hệ giá trị gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc, ứng xử trong gia đình và gìn giữ, phát huy giá trị tốt đẹp của gia đình Việt Nam...

- Chỉ tiêu đến năm 2030:

+ Phần đầu 95% trở lên cán bộ làm công tác văn hóa, gia đình, phụ nữ các cấp; báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công tác gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc, dân số và phát triển; chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tiền hôn nhân, vun đắp, gìn giữ và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam¹².

¹²Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam và Kế hoạch số 2074/KH-BVHTTDL ngày 17/5/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về triển khai các giải pháp thực hiện tuyên truyền về hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

+ Phân đầu 85% trở lên hộ gia đình cam kết thực hiện bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình¹³.

2.3.2. Nội dung thực hiện

a. Truyền thông, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi

- Tổ chức các hoạt động truyền thông (diễn đàn, hội thi, hội nghị, hội thảo, giao lưu, tuyên truyền trực tiếp, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng...) nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân và cộng đồng về công tác gia đình, vun đắp, gìn giữ và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam, giáo dục đạo đức, lối sống, xây dựng gia đình hạnh phúc, ứng xử văn minh trong gia đình; phối hợp đưa giáo dục giá trị gia đình vào trường học.

- Trang bị cho các hộ gia đình kiến thức về dân số và phát triển, thực hiện các tiêu chí ứng xử trong gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tiền hôn nhân, sức khỏe tâm thần, bình đẳng giới; chú trọng các vấn đề trong bối cảnh mới như già hóa dân số, mất cân bằng giới tính khi sinh, duy trì mức sinh thay thế.

b. Xây dựng tài liệu, sản phẩm truyền thông và ứng dụng chuyển đổi số

- Xây dựng, biên soạn, in ấn, nhân bản tài liệu, cẩm nang, sản phẩm truyền thông.

- Tư liệu hóa các mô hình, sáng kiến, cách làm hay; xây dựng bộ tài liệu, công cụ hướng dẫn triển khai phù hợp với từng nhóm đối tượng, vùng miền.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong truyền thông; phát huy hiệu quả các nền tảng mạng xã hội, các kênh truyền thông số nhằm lan tỏa giá trị gia đình Việt Nam, chuẩn mực ứng xử văn minh trong gia đình và các mô hình xây dựng gia đình hạnh phúc.

c. Xây dựng, duy trì và nhân rộng mô hình

- Xây dựng, duy trì, nhân rộng mô hình “CLB xây dựng gia đình hạnh phúc”; khuyến khích thí điểm xây dựng mô hình gia đình phù hợp với một số nhóm đối tượng đặc thù.

- Tổ chức tham quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm và nhân rộng mô hình hiệu quả.

d. Phát triển dịch vụ hỗ trợ gia đình: Phát triển các dịch vụ hỗ trợ gia đình tại cộng đồng: tư vấn hôn nhân - gia đình, giáo dục làm cha mẹ, hỗ trợ tâm lý, chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc trẻ em, chăm sóc người cao tuổi, chăm sóc trẻ mồ côi, trẻ bị bỏ rơi...

e. Nâng cao năng lực cho cán bộ Hội LHPN các cấp, cán bộ làm công tác gia đình, văn hóa, công tác phụ nữ, báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp về công tác gia đình, dân số và phát triển, bình đẳng giới; kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn...

f. Theo dõi, giám sát, đánh giá và hoàn thiện chính sách:

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

¹³ Quyết định số 224/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Bộ Tiêu chí ứng xử trong gia đình.

- Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, đánh giá kết quả thực hiện; khảo sát, nghiên cứu thực tiễn; hoàn thiện chính sách về công tác gia đình, bình đẳng giới, dân số và phát triển.

3. Thực hiện nội dung 03, nội dung thành phần 03 (Hợp phần thứ hai): Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN

3.1. Mục tiêu

Nâng cao nhận thức, thay đổi định kiến giới, khuôn mẫu giới, nâng cao quyền năng, vị thế của phụ nữ DTTS, bảo đảm phụ nữ, trẻ em được tiếp cận bình đẳng các dịch vụ cơ bản, sống an toàn, phát triển toàn diện góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa và phát triển bền vững vùng đồng bào DTTS&MN.

3.2. Các chỉ tiêu cụ thể

Chỉ tiêu hàng năm:

- Ít nhất 2.000 hộ có phụ nữ DTTS được Hội LHPN các cấp giúp thoát nghèo, cận nghèo đa chiều.

- Tại địa bàn có tỷ lệ sinh con tại nhà cao hơn mức trung bình cả nước, ít nhất 95% phụ nữ mang thai được sinh con tại cơ sở y tế hoặc được cô đỡ thôn bản đỡ đẻ.

- Ít nhất 90% phụ nữ mang thai là người DTTS thuộc đối tượng được hưởng chính sách được hỗ trợ 04 gói chính sách hỗ trợ phụ nữ DTTS sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ em.

Chỉ tiêu đến năm 2030:

- 100% cán bộ nữ lãnh đạo người DTTS công tác tại vùng đồng bào DTTS&MN được tập huấn nâng cao năng lực phù hợp. Ít nhất 90% cán bộ trong hệ thống chính trị cấp tỉnh, xã và ít nhất 75% cán bộ thôn/bản/buôn/ấp được tập huấn kiến thức về bình đẳng giới và nâng cao năng lực lồng ghép giới.

- 100% cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và tối thiểu 30% hội viên phụ nữ DTTS cài đặt, sử dụng Ứng dụng “Phụ nữ Việt Nam”; Ít nhất 70% hội viên phụ nữ DTTS đáp ứng yêu cầu năng lực số công dân; Thành lập ít nhất 1.000 Câu lạc bộ “Phụ nữ số” tại các xã vùng đồng bào DTTS&MN.

- 200.000 phụ nữ DTTS tham gia các cuộc đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản được tổ chức tại các địa bàn đặc biệt khó khăn.

- Ít nhất 2.300 Địa chỉ tin cậy tại cộng đồng; ít nhất 1.800 Câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi”; ít nhất 10.000 “Tổ truyền thông cộng đồng” tiếp tục được duy trì, củng cố trên cơ sở mô hình hiện có.

- Thực hiện Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026- 2030”, Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”, phân đầu hỗ trợ thành lập và duy trì ít nhất 200 mô hình sinh kế bền vững cho phụ nữ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo vùng đồng bào DTTS&MN; hỗ trợ giúp ít nhất 3.000 phụ nữ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo vùng DTTS&MN trong độ tuổi lao động có thu nhập và sinh kế ổn định.

- Trong các mô hình phát triển kinh tế (hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực, mô hình du lịch cộng đồng...), có ít nhất 5% phụ nữ DTTS tham gia.

- Ít nhất 80% gia đình DTTS có trẻ em trong độ tuổi đi học không để xảy ra tình trạng bỏ học.

- Ít nhất 90% phụ nữ DTTS trong độ tuổi lao động nhưng không biết đọc, biết viết được hỗ trợ học chữ và áp dụng được ở mức cơ bản.

- Ít nhất 40% hộ gia đình DTTS có công trình nước sinh hoạt đảm bảo hợp vệ sinh và ít nhất 70% hộ gia đình DTTS có nhà tiêu hợp vệ sinh theo hướng dẫn của ngành y tế.

- Xây dựng và duy trì mô hình “Góc nữ sinh” tại 100% trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông nội trú vùng đồng bào DTTS&MN¹⁴.

3.3. Nội dung thực hiện

3.3.1. Nội dung 01: Các hoạt động thực hiện mục tiêu nâng cao năng lực cho cộng đồng và cho cán bộ trong hệ thống chính trị.

a. Nâng cao năng lực cho phụ nữ, trẻ em và cộng đồng, đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ, trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn đối thoại chính sách ở cấp cơ sở, tài liệu tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về chủ trương, chính sách pháp luật liên quan và tập huấn hướng dẫn đến cán bộ các cấp triển khai thực hiện.

- Tổ chức các cuộc đối thoại chính sách ở cấp xã và cụm thôn bản đặc biệt khó khăn (tập trung vào các vấn đề: thúc đẩy phụ nữ tham gia bình đẳng và chủ động trong thực hiện, giám sát các chủ trương, chính sách, đồng thời đóng góp ý kiến vào các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương); khuyến khích phụ nữ tham gia các cuộc tiếp xúc cử tri và thực hành dân chủ tại cơ sở; tăng cường đối thoại giữa học sinh, nhà trường, gia đình và các cấp, các ngành, đặc biệt đối thoại thông qua hoạt động của Câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi”, đảm bảo tiếng nói của trẻ em.

- Phổ biến, giáo dục pháp luật; tư vấn pháp luật lưu động, trợ giúp pháp lý; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ các cấp, hòa giải viên cơ sở, tuyên truyền viên, nhân viên công tác xã hội, cộng tác viên dân số, bảo vệ trẻ em, y tế thôn bản, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng, hội viên, phụ nữ và thành viên các mô hình tại cộng đồng.

- Tổ chức các lớp xóa mù chữ cho phụ nữ, trẻ em DTTS, lồng ghép cung cấp kiến thức về kỹ thuật chăn nuôi, sản xuất, chăm sóc sức khỏe, kỹ năng sống, kỹ năng xây dựng gia đình hạnh phúc,...; Tăng cường phối hợp giữa gia đình, nhà trường và địa phương trong vận động học sinh DTTS đến trường, hạn chế tình

¹⁴Nghị định 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030

trạng bỏ học và tảo hôn.

b. Nâng cao năng lực cho cán bộ nữ DTTS, cán bộ trong hệ thống chính trị về bình đẳng giới, lồng ghép giới.

- Xây dựng tài liệu nâng cao năng lực cho cán bộ nữ người DTTS tại các cấp và tổ chức tập huấn nâng cao năng lực tại các cấp.

- Xây dựng tài liệu nâng cao năng lực lồng ghép giới cho cán bộ cấp tỉnh, cấp xã và thôn/bản, tương ứng với 3 cấp độ: Xây dựng và thẩm định chính sách; thực thi chính sách; giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách.

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị cấp tỉnh, xã; kiến thức về bình đẳng giới cho Bí thư chi bộ, Tổ trưởng Tổ dân phố, Già làng, Trưởng thôn/bản, Trưởng ban công tác Mặt trận, Chi hội trưởng chi hội phụ nữ, người có uy tín trong cộng đồng.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác tuyên truyền, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, vận động xóa bỏ hủ tục lạc hậu cho cán bộ làm công tác văn hóa ở cơ sở, người có uy tín, nghệ nhân và các chủ thể văn hóa trong cộng đồng nhằm góp phần thúc đẩy bình đẳng giới trong đời sống văn hóa - xã hội tại địa phương.

- Tổ chức cho cán bộ đi tham quan, học tập kinh nghiệm tại các địa phương, địa bàn điển hình; Giám sát, đánh giá kết quả hoạt động nâng cao năng lực.

c. Hỗ trợ nâng cao năng lực chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ cho phụ nữ và trẻ em người DTTS góp phần phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng vùng đồng bào DTTS&MN.

- Triển khai thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với xây dựng, thí điểm và vận hành CLB “Phụ nữ số”¹⁵.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn và tổ chức đào tạo, tập huấn, tư vấn kỹ thuật; hỗ trợ thành lập và vận hành các tổ/nhóm/mô hình sinh kế bền vững cho phụ nữ nghèo vùng đồng bào DTTS&MN, gắn với chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực về chuyển đổi số và thực hành chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ Hội các cấp, hội viên, phụ nữ dân tộc thiểu số và các đối tượng có liên quan; tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, hội viên, phụ nữ DTTS để ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tư liệu hóa và quảng bá văn hóa, di sản của dân tộc mình trên các nền tảng mạng xã hội.

- Tổ chức truyền thông, nâng cao nhận thức cho phụ nữ và trẻ em trong cộng đồng về lợi ích, tầm quan trọng của chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển kinh tế xã hội; giáo dục kỹ năng số cho học sinh DTTS trong nhà trường như: sử dụng internet an toàn, phòng chống lừa đảo trực tuyến, khai thác học liệu số và ứng dụng công nghệ trong học tập.

- Hỗ trợ tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, Hợp tác xã ứng dụng khoa học công

¹⁵ Mô hình Câu lạc bộ “Phụ nữ số”: tổ chức các hoạt động hướng dẫn hội viên, phụ nữ ứng dụng khoa học công nghệ cho phát triển bản thân và công việc, chăm sóc gia đình và tham gia bảo vệ đường biên mốc giới.

nghệ do phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ (sau đây gọi tắt là các tổ nhóm sinh kế): Xây dựng thương hiệu; đăng ký các tiêu chuẩn theo quy định; xây dựng truy xuất nguồn gốc và tập huấn về quản lý chất lượng; hỗ trợ tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử; giới thiệu và hỗ trợ kết nối với các giải pháp dịch vụ logistics và thanh toán điện tử; tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho tổ nhóm.

3.3.2. Nội dung 02: Các hoạt động thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và tập trung giải quyết có hiệu quả một số vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN.

a. Tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” thúc đẩy bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục xây dựng, duy trì, nhân rộng hoạt động của Tổ truyền thông cộng đồng (khuyến khích sự tham gia của nam giới tiên phong trong tuyên truyền). Xây dựng mạng lưới Nam giới tiên phong/Nam giới đồng hành.

- Biên soạn tài liệu/sổ tay hướng dẫn xây dựng, vận hành mô hình “Tổ truyền thông cộng đồng” đồng thời triển khai tập huấn cho các cấp Hội, các Tổ truyền thông và các thành phần liên quan tại địa phương nhằm phát huy hiệu quả của Tổ truyền thông cộng đồng.

- Thực hiện các hoạt động, chiến dịch truyền thông thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” thúc đẩy bình đẳng giới (trực tiếp tại cộng đồng và trên các nền tảng mạng xã hội, các phương tiện truyền thông đại chúng, các báo, truyền hình, phát thanh tại các cấp) tập trung vào một số nội dung: Thúc đẩy bình đẳng giới, nâng cao quyền năng, vị thế của phụ nữ DTTS; Khơi dậy niềm tự hào, ý thức tự giác của phụ nữ dân tộc thiểu số trong việc bảo tồn các phong tục tập quán tốt đẹp, đồng thời kiên quyết loại bỏ các tập tục lạc hậu, có hại cho phụ nữ, trẻ em; Phòng ngừa, hỗ trợ, bảo vệ phụ nữ, trẻ em bị bạo lực, xâm hại, mua bán; Giáo dục trẻ em không bỏ học, không mù chữ, không kết hôn sớm và các kỹ năng cần thiết; tiếp cận các dịch vụ cơ bản (nước sạch, vệ sinh môi trường, nhà vệ sinh, nhà ở an toàn, y tế, giáo dục, tiếp cận CNTT, chuyển đổi số,...).

- Xây dựng tài liệu, ấn phẩm, sản phẩm truyền thông và số hóa tài liệu, mô hình truyền thông dưới dạng video, hình ảnh và các cách thức phù hợp với đối tượng, vùng miền, dân tộc.

- Tổ chức các cuộc thi tìm kiếm sáng kiến, giải pháp, mô hình truyền thông hiệu quả thay đổi “Nếp nghĩ, cách làm”; Tư liệu hóa các sáng kiến, giải pháp, mô hình hiệu quả từ cuộc thi và tuyên truyền, nhân rộng.

b. Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết các vấn đề cấp thiết của phụ nữ, trẻ em.

- Tiếp tục duy trì, nâng chất lượng hoặc thành lập mới và nhân rộng Câu lạc bộ “*Thủ lĩnh của sự thay đổi*” tại các trường học và tại cộng đồng trên phạm vi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Hỗ trợ hoạt động của các CLB, bao gồm: cung cấp tài liệu sinh hoạt CLB, tập huấn cách thức vận hành CLB, trang bị một số vật dụng cần thiết cho CLB tổ chức sinh hoạt, các hoạt động truyền thông, tổ chức các cuộc thi/hội thi của các CLB; Hội thảo, diễn đàn chia sẻ, vận động, nhân rộng mô hình.

- Củng cố, nâng cấp Địa chỉ tin cậy (ĐCTC) tại cộng đồng hiện có hoặc thành lập mới ĐCTC theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tổ chức tập huấn, hội thảo/diễn đàn, truyền thông, hội thi/cuộc thi, ngày hội, giao lưu chia sẻ kinh nghiệm, giải pháp nâng cao chất lượng, nhân rộng mô hình ĐCTC phù hợp với điều kiện của địa phương; Biên soạn tài liệu hỗ trợ hoạt động của mô hình phù hợp với thực tế.

- Hỗ trợ kỹ thuật, nguồn lực triển khai các công trình cấp nước và vệ sinh hộ gia đình đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn, các hộ ở khu vực chưa có hoặc khó tiếp cận hệ thống tập trung, đặc biệt tại vùng khan hiếm nước; Hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh cho các hộ gia đình DTTS, miền núi. Xây dựng tài liệu, tập huấn TOT triển khai các mô hình về nước sạch, vệ sinh.

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết một số vấn đề cấp thiết cho học sinh tại các trường nội trú, bán trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới đất liền và triển khai mô hình “Góc nữ sinh”¹⁶ trong trường học.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số gắn với hỗ trợ phát triển sinh kế, tạo việc làm, bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững cho phụ nữ dân tộc thiểu số; khuyến khích sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các hoạt động phát triển kinh tế gắn với văn hóa.

c. Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về thúc đẩy bình đẳng giới, giải quyết các vấn đề cấp thiết cho phụ nữ, trẻ em.

- Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về thúc đẩy bình đẳng giới, giải quyết các vấn đề cấp thiết cho phụ nữ, trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN, số liệu thực hiện các chỉ tiêu, các mô hình.

- Tăng cường công tác thống kê số liệu tách biệt giới tại vùng đồng bào DTTS&MN: Xây dựng các chỉ tiêu thống kê tách biệt giới áp dụng cho cấp tỉnh, xã, thôn/tổ/bản; tăng cường năng lực thống kê phân tách giới cho cán bộ Hội, cán bộ phụ trách công tác thống kê tại địa phương; cập nhật số liệu hàng năm trong các báo cáo chung.

d. Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá, tổng kết thực tiễn; đề xuất chính sách và giám sát việc triển khai các chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em tại vùng đồng bào DTTS&MN.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện bình đẳng giới và tập huấn cho các cấp, các ngành liên quan.

¹⁶“Góc nữ sinh” bao gồm: Kệ đựng sản phẩm và sách tài liệu. Sách, tài liệu về tuổi dậy thì, cách chăm sóc, vệ sinh cơ thể đúng cách để các nữ sinh tìm hiểu, từ đó nâng cao kiến thức về Giới tính, Chu kỳ kinh nguyệt, Sức khỏe sinh sản, Cách vệ sinh cơ thể. Sản phẩm băng vệ sinh Diana để y tá, cán bộ y tế cấp phát cho nữ sinh trong trường hợp đột xuất.

- Thực hiện giám sát, hỗ trợ kỹ thuật cho các địa bàn; Khảo sát, đánh giá các nội dung liên quan đến bình đẳng giới và báo cáo đánh giá thực hiện bình đẳng giới và giải quyết các vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ, trẻ em vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Nghiên cứu đề xuất chính sách và giám sát việc triển khai chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em tại vùng đồng bào DTTS&MN.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn về các vấn đề liên quan đến nội dung triển khai; hội nghị sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện

e. Triển khai một số chính sách hỗ trợ giải quyết một số vấn đề cấp thiết liên quan đến phụ nữ, trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN.

- Tiếp tục thực hiện 04 gói hỗ trợ phụ nữ sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ em tại các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào DTTS&MN.

- Hỗ trợ tài chính khi sinh con đối với phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi (quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 14 - Luật Dân số 2025 (Luật số 113/2025/QH15), áp dụng trên toàn quốc theo lộ trình và thời điểm có hiệu lực của Luật Dân số năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

IV. Cơ chế tài chính và nguồn kinh phí thực hiện giai đoạn 2026-2035, giai đoạn 1 (2026-2030)

1. Cơ chế tài chính: Thực hiện theo quy định hiện hành¹⁷; hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2035, giai đoạn 1 (2026-2030) và các văn bản pháp luật có liên quan; bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; đồng thời tăng cường phân cấp, tạo điều kiện để địa phương chủ động, linh hoạt trong tổ chức thực hiện và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương bố trí thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030.

- Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án có liên quan (nếu có).

- Nguồn xã hội hoá và nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có).

3. Tổ chức lập và sử dụng kinh phí tại địa phương

- Căn cứ Hướng dẫn này, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung; bố trí, phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ và ngân sách địa phương thực hiện các nội dung theo quy định, bảo đảm đúng mục tiêu, đối tượng và nội dung của Chương trình.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và các cơ quan có liên quan chủ động xây

¹⁷Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

dựng kế hoạch hoạt động và dự toán kinh phí hằng năm và trung hạn, gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; phối hợp với các sở, ngành liên quan trong tổ chức triển khai và sử dụng kinh phí.

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân Tộc và Tôn giáo và các văn bản hướng dẫn có liên quan; bảo đảm đúng đối tượng, công khai, minh bạch, đúng mục đích, tiết kiệm hiệu quả và không trùng lặp.

- Đẩy mạnh lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, đề án, dự án có liên quan và nguồn xã hội hóa; ưu tiên bố trí kinh phí cho địa bàn khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, các đối tượng yếu thế và các nội dung trọng tâm của Chương trình.

V. Tổ chức thực hiện

1. Trung ương Hội LHPN Việt Nam

- Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai các nội dung được giao chủ trì, các mẫu biểu báo cáo; xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu trong cả nước đối với các nội dung chủ trì; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện tại các địa phương.

- Tổ chức các hoạt động cấp Trung ương gồm: *tổ chức hội nghị triển khai, xây dựng tài liệu; nâng cao năng lực cho cán bộ Hội và cán bộ có liên quan cấp TW, cấp tỉnh; tổ chức các hoạt động truyền thông cấp TW (hội thảo, diễn đàn, liên hoan, sự kiện truyền thông, hội thi...), truyền thông trên các phương tiện truyền thông quốc gia; xây dựng bộ chỉ số đánh giá, kiểm tra giám sát, xây dựng thí điểm mô hình tại một số địa phương và tổng kết, đánh giá, hoàn thiện, nhân rộng mô hình; kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội; sơ kết, tổng kết các nội dung hàng năm, giữa kỳ và cuối kỳ; xây dựng cơ sở dữ liệu; nghiên cứu tổng kết thực tiễn...*

- Huy động, điều phối và lồng ghép các nguồn lực, vận động nguồn lực trong và ngoài nước để hỗ trợ triển khai các nội dung.

- Tổng hợp, cập nhật tình hình triển khai và kết quả thực hiện; định kỳ báo cáo Chính phủ, các bộ, ngành liên quan; tổ chức sơ kết, tổng kết toàn quốc; biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

- Chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch triển khai các nội dung theo Hướng dẫn và phê duyệt kế hoạch làm căn cứ triển khai; quan tâm bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ và ngân sách địa phương; lồng ghép các nguồn lực hợp pháp khác để Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và các ngành chủ động tham gia tổ chức triển khai thực hiện các nội dung chủ trì, phối hợp trong Chương trình đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng cơ chế ngân sách và thẩm quyền.

- Phân công các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các nội dung của hướng dẫn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Hội LHPN cùng cấp triển khai thực hiện, đảm bảo đạt các mục tiêu đề ra.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát; kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng

mắc trong quá trình triển khai thực hiện tại địa phương.

- Định kỳ 6 tháng, hằng năm, giữa kỳ, giai đoạn, đột xuất hoặc kết thúc giai đoạn 05 năm báo cáo kết quả thực hiện các nội dung, hoạt động theo hướng dẫn về TW Hội LHPN Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo theo yêu cầu của Chương trình MTQG.

3. Hội Liên hiệp phụ nữ các tỉnh, thành phố và các đơn vị

- Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng, ban hành hướng dẫn, kế hoạch triển khai các nội dung theo Hướng dẫn này; phối hợp với các cơ quan liên quan trong xây dựng kế hoạch chung của địa phương, kế hoạch giai đoạn và hằng năm để tổ chức thực hiện.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong triển khai các nội dung theo kế hoạch được UBND cùng cấp phê duyệt; lồng ghép hoạt động, nguồn lực, địa bàn, đối tượng thụ hưởng vào các chương trình, đề án do Hội đang được giao chủ trì, bảo đảm sử dụng nguồn lực hiệu quả.

- Hướng dẫn Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp xã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện; chủ động đề xuất kinh phí thực hiện từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả các hoạt động theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.

Trên đây là Hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung thuộc Chương trình do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chủ trì. Trân trọng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quan tâm chỉ đạo; Hội Liên hiệp Phụ nữ các tỉnh, thành phố và các đơn vị liên quan tham mưu tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, đúng mục tiêu, yêu cầu đề ra.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam qua Ban Công tác Phụ nữ để nghiên cứu điều chỉnh phù hợp với thực tế. *14*

Nơi nhận:

- Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Ủy ban TW MTTQ Việt Nam (để báo cáo);
- Thường trực Đoàn Chủ tịch (để chỉ đạo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Bộ Y tế; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Bộ Tài chính (để phối hợp)
- VP ĐP NTM TW/tỉnh/thành;
- UBND tỉnh/thành;
- Ban Công tác Phụ;
- Các đơn vị thuộc Trung ương Hội;
- Hội LHPN các tỉnh/thành;
- Hội Phụ nữ Bộ Công an;
- Ban Công tác PN Quân đội;
- Lưu VT, GĐXH.

(để thực hiện)

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thủy

Phụ lục số 01:**NỘI DUNG****CUỘC VẬN ĐỘNG “XÂY DỰNG GIA ĐÌNH 5 KHÔNG, 3 SẠCH, 3 AN”**

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 54/HD-ĐCT ngày 11 tháng 05 năm 2026 của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam)

I. Tiêu chuẩn “5 không”**1. “Không nghèo”**

Hộ gia đình không thuộc diện hộ nghèo theo tiêu chuẩn hộ nghèo đa chiều¹⁸.

2. “Không bạo lực”

Không có thành viên trong gia đình thực hiện hành vi bạo lực gia đình dưới mọi hình thức theo quy định của pháp luật; không phân biệt đối xử, không kỳ thị, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong gia đình.

3. “Không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội”

- Không có thành viên trong gia đình vi phạm pháp luật và bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định; không có thành viên vi phạm pháp luật về tệ nạn xã hội theo quy định.

- Không tham gia, không hưởng ứng cho các hành vi gây mất an ninh, trật tự, vi phạm thuần phong mỹ tục; không sản xuất, buôn bán, tiêu thụ hàng giả, hàng kém chất lượng; không đăng tải, chia sẻ thông tin sai sự thật, thông tin độc hại trên môi trường mạng.

4. “Không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học”

- Gia đình có trẻ em trong độ tuổi đi học không để xảy ra tình trạng bỏ học;
- Trẻ em (từ 0 đến 5 tuổi) trong gia đình không bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi hoặc thừa cân, béo phì theo quy định của ngành y tế.

5. “Không lãng phí”

Gia đình thực hiện chi tiêu phù hợp với điều kiện kinh tế; thực hành tiết kiệm trong sử dụng điện, nước, thực phẩm và các nguồn lực phục vụ sinh hoạt hằng ngày.

II. Tiêu chuẩn “3 sạch”:**1. “Sạch nhà”**

Nhà ở và khuôn viên gọn gàng, sạch sẽ; được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn, có nhà tiêu hợp vệ sinh theo hướng dẫn của ngành y tế; thực hiện phân loại rác thải tại nguồn.

2. “Sạch bếp”

Gia đình có nơi chế biến, nấu ăn sạch sẽ, bảo đảm vệ sinh; thực phẩm được lựa chọn, sử dụng và bảo quản bảo đảm an toàn, hợp vệ sinh.

¹⁸Tiêu chí “6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều” thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 tại Thông tư 14/2023/TT-BNNMT ngày 27/02/2026.

3. “Sạch ngõ”

Thực hiện thu gom, xử lý rác thải đúng quy định; không để phát sinh ô nhiễm môi trường xung quanh nơi ở; tham gia giữ gìn vệ sinh, cảnh quan đường làng, ngõ xóm sáng - xanh - sạch - đẹp.

III. Tiêu chuẩn “3 an”

1. “An toàn”

- Gia đình có nhà ở kiên cố phù hợp điều kiện thực tế; thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn trong gia đình như: phòng cháy, chữa cháy, an toàn điện, phòng ngừa tai nạn, thương tích, phòng chống thiên tai và an toàn trên không gian mạng.

- Mỗi thành viên trong gia đình chọn một môn thể thao để rèn luyện sức khỏe.

2. “An tâm”

Gia đình hòa thuận; các thành viên được tôn trọng, bình đẳng, yêu thương, chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau, có ý thức thực hành hệ giá trị gia đình Việt Nam; gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc, địa phương và có trách nhiệm xây dựng gia đình tiến bộ, văn minh, ấm no, hạnh phúc.

3. “An sinh”

- Các thành viên trong gia đình được bảo đảm các nhu cầu thiết yếu của cuộc sống; chăm sóc sức khỏe, tham gia bảo hiểm y tế theo quy định và tiếp cận các chính sách an sinh xã hội phù hợp;

- Phụ nữ mang thai, trẻ em, người cao tuổi và các thành viên thuộc nhóm dễ bị tổn thương được quan tâm, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ kịp thời.

.....

Phụ lục 2:**DANH SÁCH CÁC MÔ HÌNH THỰC HIỆN**

STT	Tên Mô hình
1	Mô hình “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”
2	Mô hình “Nhà an toàn cho phụ nữ và trẻ em”
3	Mô hình “Tổ truyền thông cộng đồng”
4	Câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi”
5	Mô hình “Địa chỉ tin cậy” tại cộng đồng
6	Câu lạc bộ “Phụ nữ số”
7	Mô hình “Góc nữ sinh”
8	Mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh
9	Mô hình kinh doanh bền vững, kinh doanh áp dụng các tiêu chuẩn, nguyên tắc về môi trường, xã hội, quản trị (ESG)
10	Mô hình “01 phụ nữ - 01 gia đình - 01 mô hình phát triển kinh tế”
11	Mô hình cụm dự án sinh kế - hợp tác xã do phụ nữ quản lý